

Why zoos are good

Bài đọc

A.

In my view, it is perfectly possible for many species of animals living in zoos or wildlife parks to have a quality of life as high as, or higher than, in the wild. Animals in good zoos get a varied and high-quality diet with all the supplements required, and any illnesses they might have will be treated. Their movement might be somewhat restricted, but they have a safe environment in which to live, and they are spared bullying and social ostracism by others of their kind. They do not suffer from the threat or stress of predators, or the irritation and pain of parasites or injuries. The average captive animal will have a greater life expectancy compared with its wild counterpart, and will not die of drought, of starvation or in the jaws of a predator. A lot of very nasty things happen to truly 'wild' animals that simply don't happen in good zoos, and to view a life that is 'free' as one that is automatically 'good' is, I think, an error. Furthermore, zoos serve several key purposes.

B.

Firstly, zoos aid conservation. Colossal numbers of species are becoming extinct across the world, and many more are increasingly threatened and therefore risk extinction. Moreover, some of these collapses have been sudden, dramatic and unexpected, or were simply discovered very late in the day. A species protected in captivity can be bred up to provide a reservoir population against a population crash or extinction in the wild. A good number of species only exist in captivity, with many of these living in zoos. Still more only exist in the wild because they have been reintroduced from zoos, or have wild populations that have been boosted by captive-bred animals. Without these efforts, there would be fewer species alive today. Although reintroduction successes are few and far between, the numbers are increasing, and the very fact that species have been saved or reintroduced as a result of captive breeding proves the value of such initiatives.

C.

Zoos also provide education. Many children and adults, especially those in cities, will never see a wild animal beyond a fox or pigeon. While it is true that television documentaries are becoming ever more detailed and impressive, and many natural history specimens are on display in museums, there really is

nothing to compare with seeing a living creature in the flesh, hearing it, smelling it, watching what it does and having the time to absorb details. That alone will bring a greater understanding and perspective to many, and hopefully give them a greater appreciation for wildlife, conservation efforts and how they can contribute.

D.

In addition to this, there is also the education that can take place in zoos through signs, talks and presentations which directly communicate information to visitors about the animals they are seeing and their place in the world. This was an area where zoos used to be lacking, but they are now increasingly sophisticated in their communication and outreach work. Many zoos also work directly to educate conservation workers in other countries, or send their animal keepers abroad to contribute their knowledge and skills to those working in zoos and reserves, thereby helping to improve conditions and reintroductions all over the world.

E.

Zoos also play a key role in research. If we are to save wild species and restore and repair ecosystems, we need to know about how key species live, act and react. Being able to undertake research on animals in zoos where there is less risk and fewer variables means real changes can be effected on wild populations. Finding out about, for example, the oestrus cycle of an animal or its breeding rate helps us manage wild populations. Procedures such as capturing and moving at-risk or dangerous individuals are bolstered by knowledge gained in zoos about doses for anaesthetics, and by experience in handling and transporting animals. This can make a real difference to conservation efforts and to the reduction of human-animal conflicts, and can provide a knowledge base for helping with the increasing threats of habitat destruction and other problems.

F.

In conclusion, considering the many ongoing global threats to the environment, it is hard for me to see zoos as anything other than essential to the long-term survival of numerous species. They are vital not just in terms of protecting animals, but as a means of learning about them to aid those still in the wild, as well as educating and informing the general population about these animals and their world so that they can assist or at least accept the need to be more environmentally conscious. Without them, the world would be, and would increasingly become, a much poorer place.

Bảng tóm tắt ý chính các đoạn văn trong bài đọc Why zoos are good

Đoạn	Ý chính
Đoạn A	Quan điểm của tác giả về chất lượng cuộc sống tốt của động vật trong vườn bách thú và các vai trò chính của sở thú.
Đoạn B	Vai trò của vườn bách thú trong công tác bảo tồn, ngăn ngừa sự tuyệt chủng và nhân giống để tái thả vào tự nhiên.
Đoạn C	Giá trị giáo dục của sở thú thông qua việc cho khách tham quan trải nghiệm trực quan sống động với động vật.
Đoạn D	Sự cải tiến trong các hoạt động truyền thông tại sở thú và việc đào tạo, chia sẻ kiến thức cho nhân viên bảo tồn trên thế giới.
Đoạn E	Vai trò nghiên cứu của vườn bách thú hỗ trợ cho việc quản lý và bảo vệ các quần thể động vật trong tự nhiên.
Đoạn F	Kết luận của tác giả về sự thiết yếu của vườn bách thú đối với sự sống còn lâu dài của nhiều loài sinh vật.

Câu hỏi

Questions 14-17 (Information Matching)

Which paragraph contains the following information?

Write the correct letter, A-F, in boxes 14-17 on your answer sheet.

14. _____ a reference to how quickly animal species can die out
15. _____ reasons why it is preferable to study animals in captivity rather than in the wild
16. _____ mention of two ways of learning about animals other than visiting them in zoos
17. _____ reasons why animals in zoos may be healthier than those in the wild

Questions 18-22 (True/False/Not Given)

Do the following statements agree with the information given in Reading Passage 2?

In boxes 18-22 on your answer sheet, write:

TRUE if the statement agrees with the information

FALSE if the statement contradicts the information

NOT GIVEN if there is no information on this

18. _____ An animal is likely to live longer in a zoo than in the wild
19. _____ There are some species in zoos which can no longer be found in the wild.
20. _____ Improvements in the quality of TV wildlife documentaries have resulted in increased numbers of zoo visitors.
21. _____ Zoos have always excelled at transmitting information about animals to the public.
22. _____ Studying animals in zoos is less stressful for the animals than studying them in the wild.

Questions 23-24 (Multiple Choice)

Choose TWO letters, A-E.

Write the correct letters in boxes 23 and 24 on your answer sheet.

Which TWO of the following are stated about zoo staff in the text?

Which TWO of the following are stated about zoo staff in the text?

- A. Some take part in television documentaries about animals.
- B. Some travel to overseas locations to join teams in zoos.
- C. Some get experience with species in the wild before taking up zoo jobs.
- D. Some teach people who are involved with conservation projects.
- E. Some specialise in caring for species which are under threat.

Questions 23-24 (Multiple Choice)

Choose TWO letters, A-E

Write the correct letters in boxes 25 and 26 on your answer sheet.

Which TWO of these beliefs about zoos does the writer mention in the text?

- A. They can help children overcome their fears of wild animals.
- B. They can increase public awareness of environmental issues.
- C. They can provide employment for a range of professional people.
- D. They can generate income to support wildlife conservation projects.
- E. They can raise animals which can later be released into the wild.

Đáp án

Bảng tổng hợp đáp án bài đọc Why zoos are good

14. B	15. E	16. C
17. A	18. TRUE	19. TRUE
20. NOT GIVEN	21. FALSE	22. NOT GIVEN
23. B	24. D	25. B
26. E		

Questions 14-17

Questions 14	Đáp án
A reference to how quickly animal species can die out	B

Đề bài và đáp án Question 14

Vị trí: Đoạn B, dòng 2-4

Dẫn chứng: Moreover, some of these collapses have been sudden, dramatic and unexpected, or were simply discovered very late in the day.

Giải thích:

- **Dịch câu hỏi:** Sự ám chỉ về việc các loài động vật có thể chết nhanh như thế nào.
- **Từ khóa:** Cụm how quickly (nhanh như thế nào) tương ứng với cụm từ sudden, dramatic and unexpected (đột ngột, đột biến và không ngờ tới) trong bài. Từ khóa die out (tuyệt chủng/chết dần) tương ứng với từ collapses (sự suy giảm quần thể nghiêm trọng) hoặc becoming extinct ở câu trước đó.

→ Đoạn trích dẫn chỉ ra rằng số lượng khổng lồ của các loài đang bị tuyệt chủng trên khắp thế giới, và nhiều loài khác đang ngày càng bị đe dọa và do đó có nguy cơ tuyệt chủng. Hơn nữa, một số sự sụt giảm này diễn ra rất đột ngột. Như vậy đáp án là B.

Questions 15	Đáp án
Reasons why it is preferable to study animals in captivity rather than in the wild	E

Đề bài và đáp án Question 15

Vị trí: Đoạn E, dòng 3-5

Dẫn chứng: Being able to undertake research on animals in zoos where there is less risk and fewer variables means real changes can be effected on wild populations.

Giải thích:

- **Dịch câu hỏi:** Những lý do tại sao nghiên cứu động vật trong tình trạng nuôi nhốt được ưa chuộng hơn động vật ngoài thế giới hoang dã.
- **Từ khóa:** preferable to study animals in captivity (việc nghiên cứu động vật trong môi trường nuôi nhốt được ưa chuộng hơn) tương ứng với cụm undertake research on animals in zoos (thực hiện nghiên cứu trên động vật ở sở thú) nhờ có nhiều lợi điểm hơn.

→ Hai lý do cụ thể được đưa ra trong đoạn trích để giải thích cho sự ưu tiên này là less risk (ít rủi ro hơn) và fewer variables (ít biến cố/biến số hơn) so với ngoài tự nhiên. Như vậy đáp án là E.

Questions 16	Đáp án
Mention of two ways of learning about animals other than visiting them in zoos	C

Đề bài và đáp án Question 16

Vị trí: Đoạn C, dòng 2-5

Dẫn chứng: While it is true that television documentaries are becoming ever more detailed and impressive, and many natural history specimens are on display in museums, there really is nothing to compare with seeing a living creature in the flesh...

Giải thích:

- **Dịch câu hỏi:** Đề cập đến hai cách tìm hiểu về động vật ngoài cách đến sở thú xem chúng.
- **Từ khóa:** two ways of learning about animals (hai cách tìm hiểu về động vật) được liệt kê cụ thể trong bài là television documentaries (phim tài liệu trên tivi) và natural history specimens on display in museums (những mẫu vật lịch sử tự nhiên trưng bày trong bảo tàng).

→ Cụm từ other than visiting them in zoos (ngoài việc ghé thăm sở thú) được dùng để đối chiếu với hành động xem sinh vật sống bằng xương bằng thịt tại sở thú ở vế sau. Như vậy đáp án là C.

Questions 17	Đáp án
Reasons why animals in zoos may be healthier than those in the wild	A

Đề bài và đáp án Question 17

Vị trí: Đoạn A, dòng 2-4

Dẫn chứng: Animals in good zoos get a varied and high-quality diet with all the supplements required, and any illnesses they might have will be treated.

Giải thích:

- **Dịch câu hỏi:** Những lý do tại sao động vật trong sở thú khỏe mạnh hơn những con ngoài thế giới hoang dã.
- **Từ khóa:** healthier (khỏe mạnh hơn) được tác giả diễn giải chi tiết bằng các nguyên nhân giúp chúng có điều kiện thể chất tốt hơn: get a varied and high-quality diet (chế độ ăn uống đa dạng, chất lượng cao), all the supplements required (có đầy đủ các chất bổ sung cần thiết) và any illnesses... will be treated (bất kỳ bệnh tật nào đều được chữa trị kịp thời). Như vậy đáp án là A.

Questions 18-22

Questions 18	Đáp án
An animal is likely to live longer in a zoo than in the wild.	TRUE

Đề bài và đáp án Question 18

Vị trí: Đoạn A, dòng 7-9

Dẫn chứng: The average captive animal will have a greater life expectancy compared with its wild counterpart, and will not die of drought, of starvation or in the jaws of a predator.

Giải thích:

- **Dịch câu hỏi:** Một động vật có khả năng sống lâu hơn trong sở thú so với khi sống ngoài thế giới hoang dã.
- **Từ khóa:** Cụm từ live longer (sống lâu hơn) đã được diễn đạt đồng nghĩa bằng cụm have a greater life expectancy (có tuổi thọ cao hơn). Từ wild counterpart dùng để chỉ những động vật cùng loài sống ngoài tự nhiên hoang dã.

→ Tác giả chứng minh điều này bằng cách liệt kê một loạt lý do: động vật nuôi nhốt sẽ không bị chết vì hạn hán, chết đói hay bị thú săn mồi ăn thịt. Thông tin hoàn toàn trùng khớp với đề bài.

Questions 19	Đáp án
There are some species in zoos which can no longer be found in the wild.	TRUE

Đề bài và đáp án Question 19

Vị trí: Đoạn B, dòng 5-6

Dẫn chứng: A good number of species only exist in captivity, with many of these living in zoos.

Giải thích:

- **Dịch câu hỏi:** Có một số loài trong sở thú mà không còn được tìm thấy ngoài thế giới hoang dã.
- **Từ khoá:** Cụm từ can no longer be found in the wild (không còn được tìm thấy ngoài tự nhiên) đồng nghĩa với cụm only exist in captivity (chỉ còn tồn tại trong môi trường nuôi nhốt). Cụm some species tương ứng với a good number of species (một số lượng lớn các loài).

→ Bài đọc khẳng định rõ ràng rằng có nhiều loài hiện nay chỉ còn sót lại trong môi trường nuôi giữ và rất nhiều trong số đó là ở các vườn bách thú. Thông tin hoàn toàn chính xác với đề bài.

Questions 20	Đáp án
Improvements in the quality of TV wildlife documentaries have resulted in increased numbers of zoo visitors.	NOT GIVEN

Đề bài và đáp án Question 20

Vị trí: Đoạn C, dòng 2-4

Dẫn chứng: While it is true that television documentaries are becoming ever more detailed and impressive... there really is nothing to compare with seeing a living creature in the flesh...

Phân tích:

- **Dịch câu hỏi:** Những cải tiến về chất lượng của phim tài liệu truyền hình về động vật hoang dã đã dẫn đến việc tăng lượng khách đến thăm sở thú.
- **Tránh bẫy Not Given:** Bài đọc có nhắc đến việc phim tài liệu ngày càng chi tiết và ấn tượng hơn (ever more detailed and impressive). Tuy nhiên, thông tin về việc sự cải tiến này có tạo ra kết quả là làm tăng lượng khách đến sở thú (resulted in increased numbers of zoo visitors) hay không thì hoàn toàn không xuất hiện.

→ Người học rất dễ bị bẫy ở câu này do tự suy luận logic ngoài đời thực (phim hay khiến người ta tò mò đi xem sở thú nhiều hơn). Nhưng quy tắc làm bài IELTS Reading là nếu bài đọc không đề cập đến mối quan hệ nhân quả hoặc số lượng khách tăng/giảm, câu hỏi đó bắt buộc phải là NOT GIVEN.

Questions 21	Đáp án
Zoos have always excelled at transmitting information about animals to the public.	FALSE

Đề bài và đáp án Question 21

Vị trí: Đoạn D, dòng 2-4

Dẫn chứng: This was an area where zoos used to be lacking, but they are now increasingly sophisticated in their communication and outreach work.

Giải thích:

- **Dịch câu hỏi:** Sở thú luôn luôn xuất sắc trong việc truyền tải thông tin về động vật đến công chúng.
- **Từ khoá:** Cụm từ excelled at transmitting information (xuất sắc trong việc truyền thông tin) tương ứng với cụm sophisticated in their communication and outreach work (tinh tế/chuyên nghiệp trong công tác truyền thông và tiếp cận cộng đồng).

→ Điểm mấu chốt nằm ở tần suất: Đề bài dùng từ always (luôn luôn), trong khi bài đọc viết rõ used to be lacking (đã từng rất thiếu sót/yếu kém trong quá khứ). Sự mâu thuẫn trực tiếp về mặt thời gian này khiến đáp án là FALSE.

Questions 22	Đáp án
Studying animals in zoos is less stressful for the animals than studying them in the wild.	NOT GIVEN

Đề bài và đáp án Question 22

Vị trí: Đoạn E, dòng 3-5

Dẫn chứng: Being able to undertake research on animals in zoos where there is less risk and fewer variables means real changes can be effected on wild populations.

Phân tích:

- **Dịch câu hỏi:** Việc nghiên cứu động vật ở sở thú thì ít gây căng thẳng cho động vật hơn so với việc nghiên cứu chúng ngoài tự nhiên.
- **Tránh bẫy Not Given:** Bài đọc có nhắc đến cụm từ less risk and fewer variables (ít rủi ro và ít biến số hơn) khi thực hiện nghiên cứu tại sở thú. Tuy nhiên, cái "ít rủi ro" và "ít biến số" này là đang nói về môi trường nghiên cứu thuận lợi cho các nhà khoa học, giúp cuộc nghiên cứu diễn ra chính xác hơn.

→ Tác giả hoàn toàn không đề cập hay so sánh việc nghiên cứu này có less stressful for the animals (ít gây căng thẳng cho bản thân động vật) hay không. Người học rất dễ nhầm lẫn, tự suy diễn rằng môi trường ít rủi ro thì động vật sẽ ít stress hơn. Vì thông tin về mức độ căng

Questions 23-26

Question 23	Đáp án
-------------	--------

Which TWO of the following are stated about zoo staff in the text?	B. Some travel to overseas locations to join teams in zoos
--	--

Đề bài và đáp án Question 23

Vị trí: Đoạn D, dòng 5-7

Dẫn chứng: ...or send their animal keepers abroad to contribute their knowledge and skills to those working in zoos and reserves...

Giải thích:

- Từ zoo staff (nhân viên sở thú) đã được cụ thể hóa bằng cụm từ animal keepers (người giữ thú) trong bài đọc.
- Cụm từ travel to overseas locations (đi đến các địa điểm nước ngoài) được diễn đạt thành send... abroad (cử đi nước ngoài).
- Hành động join teams (tham gia vào các đội ngũ) tương đương với việc contribute their knowledge and skills to those working in zoos (đóng góp kiến thức và kỹ năng cho những người đang làm việc tại sở thú).

→ **Lựa chọn B:** Một số nhân viên di chuyển đến các địa điểm ở nước ngoài để tham gia vào các đội ngũ trong sở thú.

Question 24	Đáp án
Which TWO of the following are stated about zoo staff in the text?	D. Some teach people who are involved with conservation projects.

Đề bài và đáp án Question 24

Vị trí: Đoạn D, dòng 4-5

Dẫn chứng: Many zoos also work directly to educate conservation workers in other countries...

Giải thích:

- Từ khóa teach (dạy học) đồng nghĩa với từ educate (giáo dục/đào tạo) trong bài đọc.
- Cụm từ people who are involved with conservation projects (những người tham gia vào các dự án bảo tồn) được diễn đạt ngắn gọn và chuyên nghiệp trong bài thành conservation workers (nhân viên bảo tồn).

→ **Lựa chọn D:** Một số nhân viên dạy những người có liên quan đến các dự án bảo tồn.

Question 25	Đáp án
Which TWO of these beliefs about zoos does the writer mention in the text?	B. They can increase public awareness of environmental issues.

Đề bài và đáp án Question 25

Vị trí: Đoạn F, dòng 4-6

Dẫn chứng: ...as well as educating and informing the general population about these animals and their world so that they can assist or at least accept the need to be more environmentally conscious.

Giải thích:

- Cụm từ increase public awareness (tăng nhận thức của công chúng) được Paraphrase bằng cụm educating and informing the general population (giáo dục và cung cấp thông tin cho đại chúng).
- Cụm từ environmental issues (các vấn đề môi trường) tương ứng với cụm environmentally conscious (có ý thức về môi trường) ở cuối câu.

→ **Lựa chọn B:** Sở thú có thể tăng nhận thức của công chúng về các vấn đề môi trường.

Question 26	Đáp án
Which TWO of these beliefs about zoos does the writer mention in the text?	E. They can raise animals which can later be released into the wild.

Đề bài và đáp án Question 26

Vị trí: Đoạn B, dòng 3-6

Dẫn chứng: A species protected in captivity can be bred up to provide a reservoir population against a population crash or extinction in the wild. Still more only exist in the wild because they have been reintroduced from zoos...

Giải thích:

- Từ khóa raise animals (nuôi dưỡng động vật) tương ứng với cụm từ protected in captivity can be bred up (được bảo vệ trong môi trường nuôi nhốt và được nhân giống để tạo nguồn quần thể dự trữ).
- Cụm từ released into the wild (thả về tự nhiên) đồng nghĩa với từ reintroduced (tái thả/đưa trở lại tự nhiên) được nhắc đến ở câu kế tiếp.

→ **Lựa chọn E:** Sở thú có thể nuôi dưỡng động vật mà sau đó có thể được thả về thế giới hoang dã.

Dịch nghĩa bài đọc

Theo quan điểm của tôi, nhiều loài động vật hoàn toàn có thể sống ở vườn bách thú hoặc các công viên động vật hoang dã để có cuộc sống tốt bằng hoặc tốt hơn ở hoang dã. Động vật trong các vườn bách thú tốt sẽ có chế độ ăn uống đa dạng và chất lượng tốt, kèm theo tất cả thành phần bổ sung, và chúng sẽ được điều trị bất kỳ bệnh gì. Chúng khá giới hạn về việc di chuyển, nhưng chúng có môi trường an toàn để sống và không bị con người ngược đãi và tẩy chay bởi các loài khác. Chúng không bị đe dọa bởi những thú săn mồi hoặc sự kích thích và cơn đau từ con vật ký sinh hoặc vết thương. Trung bình những loài động vật được giam giữ sẽ có tuổi thọ dài hơn với những loài hoang dã, và sẽ không bị chết vì hạn hán, nạn đói hoặc bởi bọ săn mồi. Rất nhiều thứ nguy hiểm xảy ra với những loài động vật gốc hoang dã mà không xảy ra ở trong những sở thú tốt, và tôi nghĩ rằng nếu coi cuộc sống tự do mặc nhiên sẽ là một cuộc sống tốt thực sự là một điều sai lầm. Hơn nữa, vườn bách thú có nhiều mục đích quan trọng.

Đầu tiên, vườn bách thú để bảo tồn. Rất nhiều loài động vật khổng lồ đang sắp bị tuyệt chủng trên thế giới và ngày càng nhiều loài đang có nguy cơ cao bị tuyệt chủng. Ngoài ra, một số đồ bệnh đột ngột, thảm hại và không đoán trước được, hoặc đơn giản bị phát hiện rất muộn vào một ngày nào đó. Những loài sống trong lồng có thể được nuôi dưỡng để sinh ra một quần thể lớn để đề phòng suy giảm số lượng hoặc tuyệt chủng trong thế giới hoang dã. Một số lượng lớn các loài chỉ tồn tại được trong điều kiện nuôi nhốt và nhiều loài trong số đó sống ở vườn bách thú. Cũng có nhiều loài vẫn đang tồn tại trong môi trường hoang dã, bởi vì chúng được đưa vào vườn bách thú hoặc được nhân giống trong điều kiện nuôi nhốt nên số lượng mới tăng lên. Nếu không có những nỗ lực này, ngày nay sẽ rất ít loài còn sống. Mặc dù việc đưa chúng trở lại môi trường tự nhiên có lúc thành công, có lúc không, nhưng số lượng của chúng vẫn đang tăng và sự thật là nhiều loài đã được cứu sống nhờ có việc nhân giống trong điều kiện nuôi nhốt. Điều này chứng minh giá trị của những sáng kiến này.

Vườn bách thú cũng nhằm phát triển giáo dục. Nhiều trẻ em và người lớn, đặc biệt là người sống ở thành phố, sẽ không bao giờ thấy một loài động vật hoang dã ngoài cá hoặc chim bồ câu. Trong khi quả thật chính xác rằng các thước phim tài liệu đang dần trở lên chi tiết và ấn tượng hơn, và nhiều mẫu vật lịch sử tự nhiên được trưng bày ở những bảo tàng, nhưng không gì có thể so sánh được với việc nhìn một vật thể sống bằng da thịt, nghe nó, ngửi nó, theo dõi nó làm gì và có thời gian để tiếp thu thông tin về nó. Chỉ làm như vậy thôi cũng đã giúp mở mang kiến thức và tầm nhìn với nhiều người và hy vọng sẽ giúp chúng ta biết quý trọng động vật hoang dã, những nỗ lực bảo tồn chúng và sự đóng góp của chúng.

Ngoài ra, còn một cách giáo dục mà có thể thay thế vườn bách thú, đó là qua các biển báo, cuộc đàm thoại và diễn thuyết trực tiếp đưa thông tin đến các du khách về những loài động vật họ đang quan sát và nơi ở của chúng trên thế giới. Đây là những thứ mà vườn thú trước đó không cung cấp, nhưng vườn bách thú bây giờ càng ngày càng phức tạp trong công việc truyền thông và liên lạc. Nhiều vườn bách thú cũng làm việc trực tiếp để giáo dục về việc bảo tồn cho nhân viên ở những quốc gia khác, hoặc gửi những người chăm sóc động vật đi nước ngoài để xây dựng kiến thức và kỹ năng cho những ai làm việc ở sở thú và các khu bảo tồn, để giúp đưa động vật về môi trường tự nhiên trên toàn thế giới.

Vườn bách thú cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu. Nếu chúng ta nhằm bảo vệ các động vật hoang dã và phục hồi hệ sinh thái, chúng ta cần biết về các loài động vật chủ chốt sống, hành động và phản ứng như thế nào. Việc nghiên cứu trên động vật ở sở thú, nơi ít nguy cơ và ít sự biến đổi, đồng nghĩa với việc số lượng động vật hoang dã có thể bị ảnh hưởng. Ví dụ, biết về vòng tròn thời kỳ động dục của một con vật hoặc tỉ lệ nhân giống giúp chúng ta kiểm soát được số lượng động vật. Quá trình bắt giữ và di chuyển những cá thể sắp tuyệt chủng hoặc nguy hiểm được củng cố qua các kiến thức thu được ở sở thú về liều lượng thuốc gây tê và kinh nghiệm điều khiển và vận chuyển động vật. Điều này có thể giúp việc bảo tồn hiệu quả hơn và giảm xung đột giữa người và động vật, và có thể cung cấp nền tảng kiến thức cho việc hỗ trợ đối với nguy cơ càng tăng của mất môi trường sống và các vấn đề khác.

Kết luận, từ việc xem xét những nguy cơ toàn cầu đang tăng lên đối với môi trường, tôi tin rằng sở thú là cần thiết đối với sự tồn tại lâu dài của nhiều loài động vật. Chúng không chỉ cần thiết về việc bảo vệ động vật, mà còn là một phương tiện học về chúng để hỗ trợ các con vật khác vẫn tồn tại trong thế giới hoang dã, cũng như giáo dục và cung cấp tin tức với loài người về những loài động vật này và thế giới của chúng để họ có thể hỗ trợ hoặc ít nhất thấy rằng họ phải có ý t